TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BÀ RỊA** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **75**/2018/HNGĐ – ST
Ngày: 13-11- 2018
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị M Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Quỳnh Nga

2. Bà Vũ Thị Phương Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nhung – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Bà Rịa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 193/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2018/QĐXX-ST ngày 05 tháng 10 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2018/QĐXX-ST ngày 24 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Thị Mỹ T, sinh năm: 1984; Hộ khẩu thường trú: khu phố A, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Địa chỉ: đường Nguyễn Bỉnh Khiêm, phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn Trung H, sinh năm 1980; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: tổ B khu phố 7, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/5/2018, bản tự khai, nguyên đơn bà Thị Mỹ T trình bày:

Bà T và ông Nguyễn Trung H tự nguyện chung sống từ năm 2003, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa vào ngày 10/6/2009. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc,

sau đó đến năm 2008 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông H nghiện rượu, thường xuyên đánh đập vợ con, không lo làm ăn, không chăm sóc gia đình. Sau nhiều lần hàn gắn, đến nay mâu thuẫn không thể giải quyết được, bà T bỏ về quê tại Kiên Giang sống từ đầu năm 2017 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Bà T nhận thấy tình cảm với ông H không còn nên yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Trung H.

Về con chung: Bà T, ông H có 02 con chung là Nguyễn Trung N, sinh ngày 01/12/2003 và Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 10/7/2011. Hiện các con đang ở với ông H. Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con, yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng). Ngày 01/10/2018, bà T thay đổi yêu cầu, đồng ý giao 02 con chung cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, bà T tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 500.000đ/con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Trung H trình bày:

Ông H thừa nhận thời gian kết hôn, quá trình chung sống, thời gian mâu thuẫn đúng như lời trình bày của bà T, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, ông bà đã không còn sống chung từ năm 2017, không liên lạc, không quan tâm lẫn nhau. Nay, tình cảm của ông đối với bà T không còn nên bà T yêu cầu ly hôn, ông H đồng ý. Ông H xác nhận sống chung với bà T có 02 con chung là Nguyễn Trung N, sinh ngày 01/12/2003 và Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 10/7/2011. Hiện các con đang ở với ông H nên ông yêu cầu trực tiếp nuôi 2 con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: ông H cho rằng trong quá trình chung sống có tài sản chung là 1 xe honda Vission màu xanh biển số 72D2.7169 hiện bà T đang sử dụng, ông H yêu cầu Tòa án giải quyết để bà T sử dụng chiếc xe trên và thanh toán cho ông số tiền 10.000.000 đồng. Tuy bà T không yêu cầu về tài sản chung nhưng ông H xác định sẽ làm đơn yêu cầu giải quyết tài sản chung và cam đoan nộp cho Tòa án vào ngày 09/7/2018. Trường hợp ông không làm đơn đề nghị Tòa án không giải quyết yêu cầu của ông. Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Ông H đồng ý với toàn bộ yêu cầu của bà T về quan hệ hôn nhân, con chung, không có ý kiến bổ sung. Về tài sản chung: ông không yêu cầu giải quyết, về nợ chung: không có.

- Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi khai mạc phiên tòa, Thẩm phán đã tiến hành đúng các quy định về thủ tục tố tụng được quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại chương XIV Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và N vụ tố tụng của mình. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị vẫn tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân*:* Yêu cầu của bà Thị Mỹ T xin ly hôn với ông Nguyễn Trung H là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà T được ly hôn với ông H; Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là Nguyễn Trung N, sinh ngày 01/12/2003 và Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 10/7/2011 cho ông H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành và ghi nhận sự tự nguyện của bà T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 500.000 đồng/con; Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về án phí: Bà T phải chịu án phí theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Thị Mỹ T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Trung H; bị đơn hiện đang cư trú tại phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Thị Mỹ T có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Thị Mỹ T và ông Nguyễn Trung H tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 25, ngày 10/6/2009 của Ủy ban nhân dân phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của bà T được ông H xác nhận: trong quá trình chung sống, giữa bà T, ông H đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc; bà T đã về nhà mẹ ruột tại tỉnh Kiên Giang sống, ông H sống tại thành phố Bà Rịa từ năm 2017, không ai quan tâm đến ai, tình cảm với nhau không còn, ông H đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T nên không thể duy trì cuộc hôn nhân này được nữa.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa đã tiến hành thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, các phiên họp hòa giải cho ông Nguyễn Trung H được biết nhưng ông H vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có giải thích để ông H và bà T trở về chung sống với nhau nhưng ông H không đồng ý và yêu cầu giải quyết ly hôn, điều đó chứng minh tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời

sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[2.2] Về con chung: Bà T, ông H có 02 con chung là Nguyễn Trung N, sinh ngày 01/12/2003 và Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 10/7/2011. Xét từ khi ly thân đến nay con chung do ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và đúng theo nguyện vọng của các con cũng như thỏa thuận giữa ông H, bà T nên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận giao 02 con chung chưa thành niên cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 500.000 đồng/con chung từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi và ông H đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] Về tài sản chung: Bà T xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Tuy nhiên, theo Biên bản lấy lời khai ngày 27/6/2018, ông H yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung là xe honda Vission biển số 72D2.7169 theo hướng bà T sử dụng chiếc xe trên và T toán cho ông H số tiền 10.000.000 đồng. Tòa án có hướng dẫn ông H tiến hành làm đơn, nộp tạm ứng án phí và các chứng từ kèm theo để thụ lý giải quyết theo quy định và ông H cam kết sẽ nộp vào ngày 09/7/2018, trường hợp không thực hiện thì đề nghị không xem xét yêu cầu của ông nhưng ông H nhiều lần vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ cũng như không có văn bản thể hiện ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh đối với yêu cầu của mình nên xem như từ bỏ quyền yêu cầu của mình. Tại phiên tòa, ông H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.6] Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 227, 238, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Thị Mỹ T được ly hôn với Nguyễn Trung H.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Trung N, sinh ngày 01/12/2003 và Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 10/7/2011 cho ông Nguyễn Trung H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn đến khi trưởng thành (18 tuổi). Ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 500.000 đồng/con chung từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, bà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Thị Mỹ T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự không có giá ngạch về cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số TU/2017/0002231 ngày 22/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa. Vì vậy, bà T còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm . Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-TAND tỉnh BR-VT;
-VKSND TP Bà Rịa;
-Chi cục THA DS TP Bà Rịa;
-UBND phường Phước Hưng, TP Bà Rịa;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Thị Mỹ Dung